

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 12 - 8 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Oanh;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Bà Trần Thị K H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi hoà giải nguyên đơn ông Phạm Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị K H chung sống với nhau từ năm 2016 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 27/5/2016. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì không hạnh phúc nữa do phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, lối sống,

thường xuyên cãi vã nhau. Bà H không tôn trọng ông, bất cứ chỗ nào bà cũng có thể chửi ông. Hiện tại đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông kiên quyết ly hôn với bà Trần Thị K H.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Phạm Ngọc K N, sinh ngày 06/7/2017. Ông D xin nhường quyền nuôi con chung cho bà H nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn bà Trần Thị K H trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn bà thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Quá trình chung sống bà và ông D có phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau. Ông D thường xuyên đi chơi, đi uống rượu, không quan tâm đến vợ con. Bà muốn nói chuyện với ông D thì ông không nói, bỏ đi chỗ khác. Bà còn phát hiện ông D không chung thủy trong tình cảm vợ chồng, ông có nhắn tin tình cảm với người khác. Đến nay bà không biết ông D đã chấm dứt việc qua lại với người phụ nữ kia chưa. Từ tháng 02/2020 đến tháng 6/2020 vợ chồng sống ly thân nhưng đến tháng 7/2020, bà H đưa con về nhà sống để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng ông D lại chuyển ra ngoài sống, kiên quyết không đoàn tụ. Mặc dù mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông D vì thương con còn nhỏ, muốn vợ chồng đoàn tụ, nhường nhịn nhau để cùng lo cho con.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Phạm Ngọc K N, sinh ngày 06/7/2017. Bà H yêu cầu được quyền nuôi con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn do có nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng, nguyên đơn không muốn hàn gắn hôn nhân với bị đơn.

Về con chung: Xét điều kiện về nuôi con, hiện tại cháu Phạm Ngọc K N, sinh ngày 06/7/2017 còn nhỏ nên giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng là phù hợp, buộc nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: Xã Vĩnh Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Phạm Văn D, bị đơn bà Trần Thị K H có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Phạm Văn D và bà Trần Thị K H chung sống với nhau từ năm 2016, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 27/5/2016, quan hệ hôn nhân giữa D và bà H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, hiện đã ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn thương con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 16/6/2020 được UBND xã V xác nhận: Nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn do những bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cãi nhau. Tuy nhiên, không yêu cầu địa phương hòa giải, hiện tại đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 01 con chung tên là Phạm Ngọc K N, sinh ngày 06/7/2017. Nguyên đơn xin nhường quyền nuôi con cho bị đơn nuôi dưỡng, bị đơn yêu cầu được quyền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét các điều kiện về nuôi con, sự ổn định tâm lý của trẻ, điều kiện đảm bảo cho

trẻ nhỏ được phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và trí tuệ nên giao con chung Phạm Ngọc K N cho bị đơn Trần Thị K H nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, nguyên đơn không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, cho rằng sẽ tự cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của nguyên đơn. Hội đồng xét xử cân nhắc các điều kiện kinh tế, nhu cầu sinh hoạt của trẻ, cơ sở thu nhập, điều kiện kinh tế của bị đơn với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn là cao hơn khả năng của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử cần quyết định một mức cấp dưỡng phù hợp.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244, các Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn D đối với bị đơn bà Trần Thị K H.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Phạm Văn D được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị K H.

2. Về con chung: Giao con Phạm Ngọc K N, sinh ngày 06/7/2017 cho bà Trần Thị K H trực tiếp nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở ông Phạm Văn D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phạm Văn D cấp dưỡng nuôi con Phạm Ngọc K N 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông Phạm Văn D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043311, ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Phạm Văn D phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (số 46/2016);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mùi